

Bản án số: 10/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 23 - 7 - 2020
V/v tranh chấp Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BA ĐỒN, TỈNH QUẢNG BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Thị Hà

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Ngọc Lan
2. Ông Hoàng Công Nghĩa

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thục Trinh - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình

Ngày 23 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã B, tỉnh Quảng Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 77/2020/TLST - HNGĐ ngày 12 tháng 6 năm 2020 về tranh chấp “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2020/QĐXXST - HNGĐ ngày 14 tháng 7 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Đinh Minh T, sinh năm: 1965;

Nơi cư trú: Thôn V, xã Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình. Có mặt.

- Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Thanh H, sinh năm: 1970;

Nơi cư trú: Thôn T, xã Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 03 tháng 6 năm 2020, bản tự khai và tại các phiên hoà giải, nguyên đơn, anh Đinh Minh T trình bày: Anh và chị Nguyễn Thị Thanh H có quá trình tìm hiểu và đi đến kết hôn là hoàn toàn tự nguyện, đã đăng ký kết hôn vào ngày 23/6/2010 tại UBND xã Q, huyện Q (nay là thị xã B), tỉnh Quảng Bình. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2016 thì xảy ra nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng khác biệt về quan điểm sống, không có tiếng nói chung trong hôn nhân dẫn đến mâu thuẫn không thể hòa giải được. Vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2016 cho đến nay. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn nên kiên quyết xin được ly hôn với chị Nguyễn Thị Thanh H

- Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có 01 con chung là Đinh Nguyễn Quỳnh N, sinh ngày 14/3/2011. Nếu ly hôn anh có nguyện vọng giao

con cho vợ nuôi và cấp dưỡng tiền nuôi con mỗi tháng 800.000 đồng. Trường hợp chị H không đồng ý thì đề nghị giải quyết cho anh được nuôi con và không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Quá trình chung sống vợ chồng không có tài sản chung.

Tại bản tự khai, tại các phiên hòa giải và tại phiên tòa, bị đơn chị Nguyễn Thị Thanh H trình bày: Chị và anh Đinh Minh T có quá trình tìm hiểu và đi đến kết hôn là hoàn toàn tự nguyện, đã đăng ký kết hôn tại UBND xã Q, huyện Q (nay là thị xã B), tỉnh Quảng Bình vào ngày 23/6/2010. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc được khoảng 02 năm, còn 04 năm từ đó về sau không có hạnh phúc. Nguyên nhân là do chồng thường xuyên phân biệt đối xử con chung, con riêng và đuổi mẹ con chị ra khỏi nhà. Do đó vợ chồng sống ly thân từ năm 2016 cho đến nay. Nay anh T làm đơn xin ly hôn thì chị cũng đồng ý.

- Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có 01 con chung như anh T đã trình bày. Nếu vợ chồng ly hôn, chị có nguyện vọng nuôi con và yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng

- Về tài sản chung: Vợ chồng có một số tài sản chung, tuy nhiên chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, anh Thuyết và chị H thỏa thuận ly hôn và đều có nguyện vọng xin được nuôi con chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, căn cứ vào kết quả hỏi tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

- Về thẩm quyền: Anh Đinh Minh T có đơn yêu cầu xin ly hôn với chị Nguyễn Thị Thanh H. Hiện tại chị H đang có hộ khẩu thường trú tại: Thôn T, xã Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình. Vì vậy, theo quy định tại Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm b khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã B.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Anh T và chị H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền nên quan hệ hôn nhân của hai người là hoàn toàn hợp pháp. Sau khi kết hôn, anh chị thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống nên vợ chồng hay cãi vã, mâu thuẫn kéo dài không giải quyết được nên dẫn đến cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc. Anh chị đã sống ly thân từ năm 2016 cho đến nay, không ai quan tâm gì đến ai. Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, anh T và

chị H thỏa thuận ly hôn vì tình cảm không còn. Xét thấy, sự thỏa thuận của hai bên đương sự là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật nên và đạo đức xã hội nên cần căn cứ vào Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình, công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Đinh Minh T và chị Nguyễn Thị Thanh H là phù hợp.

[3] Về quan hệ con chung:

Quá trình chung sống anh T và chị H có 01 con chung như anh chị đã trình bày. Quá trình hòa giải, anh T và chị H đều có nguyện vọng giao con cho chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Tuy nhiên, anh chị không thống nhất được việc cấp dưỡng nuôi con hàng tháng. Chị H yêu cầu anh T thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng nhưng anh T chỉ chấp nhận cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 800.000 đồng. Trường hợp chị H không đồng ý thì anh có nguyện vọng được nuôi con. Tại phiên tòa, anh T có nguyện vọng xin được nuôi con.

Xét thấy, từ năm 2016 cho đến nay, cháu N sinh sống, học tập tại xã Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình cùng với chị H, hiện nay đã ổn định cuộc sống. Mặt khác, quá trình giải quyết vụ án, cháu Đinh Nguyễn Quỳnh N trình bày nguyện vọng được ở với mẹ. Vì vậy cần căn cứ vào Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và Gia đình giao con cho chị H tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp.

Đối với việc cấp dưỡng tiền nuôi con hàng tháng, chị H yêu cầu 2.000.000 đồng nhưng anh T chỉ chấp nhận 800.000 đồng. Xét thấy, anh Đinh Minh T hiện là cán bộ công tác tại Chi nhánh thủy nông Rào Nan, thị xã B, tỉnh Quảng Bình, mức thu nhập hàng tháng từ 5.000.000 đồng trở lên, thu nhập ổn định nên việc anh T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 800.000 đồng là chưa phù hợp, bởi lẽ với điều kiện sinh sống tại địa phương hiện nay thì chưa thực sự đảm bảo cho chi phí sinh hoạt và học tập của cháu. Vì vậy, cần buộc anh T cấp dưỡng nuôi con cùng chị H mỗi tháng 1.500.000 đồng là phù hợp.

[4] Về quan hệ tài sản chung:

Quá trình giải quyết vụ án, anh T trình bày vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung; Chị H cho rằng vợ chồng có một số tài sản nhưng không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí:

Anh T phải nộp tiền án phí ly hôn và tiền án phí cấp dưỡng nuôi con theo định kỳ để sung vào công quỹ Nhà nước.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm b khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83; Điều 116 Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Đinh Minh T và chị Nguyễn Thị Thanh H

3. Về quan hệ con chung: Xử giao con chung là Đinh Nguyễn Quỳnh N, sinh ngày 14/3/2011 cho chị H được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Buộc anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con mỗi tháng 1.500.000 đồng, kể từ tháng 8 năm 2020 cho đến khi con trưởng thành, có khả năng lao động hoặc có tài sản tự nuôi sống bản thân. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

4. Về quan hệ tài sản chung: Không xem xét.

5. Về án phí sơ thẩm: Anh Đinh Minh T phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí ly hôn và 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí cấp dưỡng nuôi con theo định kỳ để sung vào công quỹ Nhà nước. Anh T được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) đã nộp trước đây tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã B theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 006901 ngày 10 tháng 6 năm 2020. Anh T còn phải nộp 300.000 đồng tiền án phí.

6. Về quyền kháng cáo: Án xử sơ thẩm, nguyên đơn, bị đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (23/7/2020).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Bình;
- VKSND thị xã B;
- Chi cục THADS thị xã B;
- UBND xã Q;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Tướng Thị Hà